

Số: 684/TB-SGDHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2019

THÔNG BÁO

V/v đưa chứng khoán ra khỏi danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 và Quyết định số 1205/QĐ-UBCK ngày 27/12/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sửa đổi Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;

Căn cứ công văn số 1415/UBCK-QLKD ngày 20/03/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;

Căn cứ công văn số 2794/UBCK-QLKD ngày 19/05/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hướng dẫn thực hiện Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán trong trường hợp công ty nhận được kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

Căn cứ đề nghị của Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons tại công văn số 02/CV-HTN ngày 08/05/2019 về việc đưa chứng khoán HTN ra khỏi danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo danh sách đưa chứng khoán ra khỏi danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ như sau:

| STT | Mã CK | Tên Tổ chức niêm yết/Quỹ niêm yết | Lý do |
|-----|-------|--------------------------------------|--|
| 1 | HTN | Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons | Chứng khoán có thời gian niêm yết đủ 06 tháng tính từ ngày giao dịch đầu tiên (12/11/2018) |

(Đính kèm: Bảng cập nhật danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ). *KL*

Nơi nhận:

- UBCKNN – Vụ QLKD (để b/c);
- TTTT, TV, GS;
- Lưu: VT, NY (6) *KL*



Trần Anh Đào

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ ĐẾN NGÀY 13/05/2019

(Đính kèm Thông báo số: 684 /TB-SGDHCM ngày 13/05/2019)

| STT | Mã CK | Tên Tổ chức niêm yết/Quỹ niêm yết | Lý do |
|-----|-------|---|---|
| 1. | AAM | Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 2. | AGF | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát đặc biệt |
| 3. | AGR | Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 4. | AMD | Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD | Công ty vi phạm pháp luật thuế |
| 5. | ATG | Công ty Cổ phần An Trường An | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 6. | BCG | Công ty Cổ phần Bamboo Capital | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2018 là số âm |
| 7. | BHN | Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội | Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2018 được kiểm toán có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán |
| 8. | C47 | Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 9. | CIG | Công ty Cổ phần COMA18 | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 10. | CLG | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà đất COTEC | Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được kiểm toán có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán |
| 11. | CMX | Công ty Cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 12. | DAG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á | Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được kiểm toán có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán |
| 13. | DTL | Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2018 là số âm |
| 14. | FDC | Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |

| | | | |
|-----|--------------|---|---|
| 15. | FIR | Công ty Cổ phần Địa ốc First Real | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 16. | FUCT VGF2 | Quỹ Đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 | Quỹ đầu tư đại chúng có tối thiểu một tháng có giá trị tài sản ròng (NAV) tính trên một đơn vị chứng chỉ quỹ nhỏ hơn mệnh giá căn cứ trên báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng hàng tháng xét trong 03 tháng liên tiếp |
| 17. | GIL | Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh | Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được kiểm toán có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán |
| 18. | HAG | Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 19. | HAI | Công ty Cổ phần Nông dược HAI | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát đặc biệt |
| 20. | HAS | Công ty Cổ phần HACISCO | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 21. | HID | Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 22. | HLG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Long | Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2018 được soát xét có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán |
| 23. | HNG | Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 24. | HTT | Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 25. | HUB | Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 26. | HVG | Công ty Cổ phần Hùng Vương | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát đặc biệt |
| 27. | HVH | Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 28. | HVN | Công ty Hàng không Việt Nam-CTCP | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 29. | ICF | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản | Chứng khoán trong diện bị hủy niêm yết |
| 30. | JVC | Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 31. | KAC | Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang An | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát đặc biệt |
| 32. | KSH | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 33. | LAF | Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |

99-
GIÁ
HƯNG
THÀNH
ĐỒ CH
TP

| | | | |
|-----|-----|--|---|
| 34. | LCM | Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 35. | LEC | Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Miền Trung | Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được kiểm toán có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán |
| 36. | LSS | Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên BCTC Hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2018 là số âm (niên độ 01/07/2018-30/06/2019) |
| 37. | MCG | Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 38. | MSH | Công ty Cổ phần May Sông Hồng | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 39. | NCT | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài | Công ty vi phạm pháp luật thuế |
| 40. | NVT | Công ty Cổ phần Bất Động sản Du lịch Ninh Vân Bay | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 41. | OGC | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 42. | PHC | Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings | Công ty vi phạm pháp luật thuế |
| 43. | PIT | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu PETROLIMEX | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 44. | PNC | Công ty Cổ phần Văn Hóa Phương Nam | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát đặc biệt |
| 45. | POW | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 46. | PPI | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 47. | PTC | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 48. | PTL | Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng và đô thị dầu khí | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 49. | PXI | Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp & Dân dụng Dầu khí | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 50. | PXS | Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 51. | PXT | Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 52. | QCG | Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 53. | RIC | Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 54. | SBV | Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam | Công ty vi phạm pháp luật thuế |

S.T.
 D DICH
 KHOA
 PHO
 MINH
 HO C

| | | | |
|-----|-----|---|---|
| 55. | SZC | Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 56. | TCR | Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TAICERA | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 57. | TDM | Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 58. | TIE | Công ty Cổ phần TIE | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 59. | TNT | Công ty Cổ phần Tài Nguyên | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 60. | TSC | Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 61. | TTE | Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh | Thời gian niêm yết dưới 06 tháng |
| 62. | TTF | Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 63. | VHG | Công ty Cổ phần Đầu tư Cao Su Quảng Nam | Chứng khoán thuộc diện kiểm soát |
| 64. | VIS | Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 65. | VOS | CTCP Vận tải Biển Việt Nam | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 66. | VPK | Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật | Chứng khoán thuộc diện cảnh báo |
| 67. | VSH | Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh | Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 được kiểm toán có ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán |

